

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2006/TT-BTC

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2006

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các dự án thuộc
Danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay ADB của
Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp**

Căn cứ Nghị định số 17/2001/NĐ-CP ngày 04/5/2001 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Hiệp định tín dụng cho Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp đã ký ngày 22/4/2003 giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB);

Thực hiện Công văn số 668/TTg-QHQT ngày 03/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc xác định danh mục dự án sử dụng vốn vay Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp vay vốn ADB;

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính áp dụng đối với các dự án thuộc danh mục dự án sử dụng nguồn vốn vay ADB của Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp theo Hiệp định vay ký hiệu số 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cho Chương trình

phát triển ngành Nông nghiệp theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF), trị giá 60 triệu USD là nguồn thu vay nợ của Chính phủ. Tiền rút về từ khoản vay này được đưa vào cân đối ngân sách Nhà nước và chi hỗ trợ có mục tiêu cho chương trình tăng cường hoạt động khoa học, công nghệ nông nghiệp, khuyến nông và thông tin thị trường theo danh mục dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 688/TTg-QHQT ngày 03/6/2005. Bộ Tài chính chịu trách nhiệm thống nhất quản lý theo dõi khoản vay về rút vốn, chi tiêu và trả nợ cho ADB khi đến hạn.

1.2. Sau khi hoàn tất các điều kiện giải ngân từng đợt theo quy định của Hiệp định vay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập đơn xin rút vốn gửi ADB và chuyển số tiền rút được vào Ngân sách Nhà nước theo số tài khoản do Bộ Tài chính quy định.

1.3. Việc quản lý, sử dụng nguồn vốn này theo chính sách, chế độ, và thủ tục chi tiêu ngân sách trong nước hiện hành.

Bộ Tài chính chuyển vốn sang Kho bạc Nhà nước để cấp phát thanh toán cho các tiểu dự án do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện và cấp bổ sung ngân sách có mục tiêu cho các địa phương thực hiện hoạt động khuyến nông theo danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 688/TTg-QHQT ngày 03/6/2005.

1.4. Các chủ dự án mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi thuận tiện cho việc kiểm soát chi để thực hiện việc thanh toán theo quy định hiện hành đối với nguồn vốn xây dựng cơ bản hoặc vốn hành chính sự nghiệp.

II. LẬP, TỔNG HỢP VÀ PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NGÂN SÁCH

2.1. Hàng năm, căn cứ danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện các tiểu dự án và tiến độ rút vốn từ ADB, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch vốn xây dựng cơ bản và vốn sự nghiệp của các dự án do Bộ thực hiện từ nguồn vốn vay ADB đã rút về ngân sách gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để tổng hợp cân đối trong kế hoạch ngân sách chung.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có công văn gửi các tỉnh, Bộ Kế hoạch

và Đầu tư, Bộ Tài chính thông báo danh sách các tỉnh tham gia tiểu dự án 1 và tiểu dự án 2, một phần tiểu dự án 3, thuộc dự án Loại 1 để các tỉnh lập kế hoạch xin trợ cấp ngân sách có mục tiêu từ nguồn vốn vay ADB đã rút về Ngân sách Nhà nước cùng thời gian lập ngân sách hàng năm (chỉ thực hiện đối với các tỉnh khó khăn).

2.2. Ủy ban nhân dân các tỉnh tham gia các tiểu dự án theo công văn thông báo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch vốn hành chính sự nghiệp để chi hỗ trợ cho Hội đồng tư vấn khuyến nông của tỉnh, chi hỗ trợ thuê thêm khuyến nông viên xã, gửi Bộ Tài chính để cân đối tổng hợp trong kế hoạch trợ cấp ngân sách có mục tiêu cho các tỉnh, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo.

2.3. Căn cứ vào kế hoạch thực hiện dự án và khả năng nguồn vốn, Bộ Tài chính bố trí vốn để thực hiện cho các nội dung chi có tính chất sự nghiệp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí vốn để thực hiện các nội dung chi có tính chất đầu tư xây dựng cơ bản theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2.4. Khi lập, tổng hợp, phê duyệt và thông báo phân bổ kế hoạch ngân sách, các cơ quan liên quan cần chú ý ghi rõ nguồn vốn chi cho các tiểu dự án, các hoạt động là nguồn vốn vay ADB cho Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước.

Việc lập và tổng hợp, cân đối kế hoạch chi tiêu nói trên thực hiện đúng theo quy trình và thời gian lập kế hoạch ngân sách hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

III. QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ TRÁCH NHIỆM LẬP KẾ HOẠCH VÀ NỘI DUNG CHI ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI DỰ ÁN

3.1. Dự án Loại 1: Tổng số vốn là 164 tỷ đồng, gồm 4 tiểu dự án.

Tiểu dự án 1: Hỗ trợ hoạt động của 40 Hội đồng tư vấn khuyến nông tỉnh (HĐTVKN), với tổng kinh phí là 10 tỷ đồng (Giai đoạn 1 hỗ trợ cho 20 tỉnh, theo danh sách các tỉnh đã xác định tại Công văn số 688/TTg-QHQT. Giai đoạn 2, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ lựa chọn các tỉnh, gửi danh sách thông báo cho các tỉnh được lựa chọn, đồng thời gửi Bộ Tài chính và Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Căn cứ kế hoạch hoạt động năm, HĐTVKN các tỉnh lập kế hoạch chi tiêu xin hỗ trợ từ nguồn vay ADB cho Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp theo Hiệp

định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xét duyệt và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trong kế hoạch ngân sách của tỉnh xin trợ cấp ngân sách có mục tiêu từ nguồn vay ADB cho Chương trình phát triển ngành Nông nghiệp theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước.

Nội dung chi cho hoạt động của HĐTVKN các tỉnh gồm:

- Hội nghị giao ban thường kỳ, hội thảo, hội nghị sơ kết, tổng kết.
- Công tác phí, xăng xe đi kiểm tra, đánh giá của các thành viên Hội đồng.
- In ấn, phát hành tài liệu về khuyến nông.
- Mua sắm trang thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, điện, nước, cước phí điện thoại, Internet, báo chí, sửa chữa thường xuyên thiết bị và dụng cụ văn phòng.

Phụ cấp kiêm nhiệm cho các thành viên HĐTVKN áp dụng chế độ kiêm nhiệm theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10/8/2005 của Bộ Nội vụ, theo đó mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 10% lương hiện hành. Mức phụ cấp trên không làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

Chế độ định mức chi tiêu thực hiện theo các văn bản hiện hành về chi hành chính sự nghiệp.

Tiểu dự án 2: Tăng cường ngân sách cho các địa phương, đặc biệt là các tỉnh nghèo, để thuê thêm 6.000 cán bộ khuyến nông bổ sung cho các xã còn thiếu cán bộ khuyến nông 2 năm đầu (những năm sau các tỉnh tự bố trí kinh phí cho cán bộ khuyến nông) với tổng kinh phí là 43 tỷ đồng.

Hàng năm, theo tiến độ lập kế hoạch ngân sách, Trung tâm khuyến nông tỉnh lập dự toán chi gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xét duyệt và đề nghị tỉnh tổng hợp trong kế hoạch ngân sách của tỉnh xin trợ cấp ngân sách có mục tiêu từ nguồn vốn Chương trình vay ADB theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước để thuê thêm cán bộ khuyến nông bổ sung cho các xã còn thiếu cán bộ khuyến nông, kế hoạch này đồng gửi cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính. Nội dung chi hỗ trợ gồm:

- Chi thù lao cho nhân viên khuyến nông xã được thuê để bổ sung cho đủ khuyến nông viên các xã còn thiếu. Số lượng khuyến nông viên cần thuê cụ thể do Ủy ban nhân dân các tỉnh xác định theo đúng quy định hiện hành phù hợp với từng vùng.

Mức chi thù lao cho các khuyến nông viên thuê thêm này do Chủ tịch UBND

tỉnh quyết định theo mức quy định hiện hành trong nước và không vượt quá tổng số vốn mà Tỉnh được hỗ trợ. Khuyến nông viên đã hưởng thù lao từ nguồn vốn vay ADB thì không được hưởng thù lao từ nguồn ngân sách địa phương.

Tiểu dự án 3: Tăng cường hệ thống khuyến nông, với tổng kinh phí là 74 tỷ đồng, trong đó (i) xây dựng trụ sở của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia là 14 tỷ đồng, và (ii) tăng cường năng lực công tác khuyến nông ở Trung ương và một số tỉnh khó khăn là 60 tỷ đồng.

- Vốn xây dựng trụ sở của Trung tâm Khuyến nông Quốc gia được bố trí vào kế hoạch vốn xây dựng cơ bản hàng năm và quản lý theo chế độ quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành.

- Vốn tăng cường năng lực công tác khuyến nông ở Trung ương bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm về chi sự nghiệp kinh tế trong chương trình khuyến nông của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Vốn tăng cường năng lực công tác khuyến nông ở một số tỉnh khó khăn thực hiện theo hình thức trợ cấp có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương.

Trung tâm Khuyến nông Quốc gia lập kế hoạch vốn xây dựng cơ bản, kế hoạch hoạt động tăng cường năng lực công tác khuyến nông và dự toán chi tiêu trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt và tổng hợp vào dự toán chi của Bộ, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để cân đối trong ngân sách nhà nước bằng nguồn vốn Chương trình vay ADB theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước theo trình tự lập kế hoạch ngân sách hàng năm.

Trung tâm khuyến nông tỉnh lập kế hoạch hoạt động tăng cường năng lực công tác khuyến nông và dự toán chi tiêu gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh xét duyệt và đề nghị tỉnh tổng hợp trong kế hoạch ngân sách của tỉnh xin trợ cấp ngân sách có mục tiêu từ nguồn vốn Chương trình vay ADB theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước theo trình tự lập kế hoạch ngân sách hàng năm. Kế hoạch này của các tỉnh đồng gửi cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính để theo dõi trong quá trình bố trí nguồn vốn trợ cấp có mục tiêu cho các tỉnh.

Tiểu dự án 4: Tăng cường công tác thông tin khuyến nông và thị trường ở 20 tỉnh (100 huyện), với kinh phí 37 tỷ đồng, hàng năm bố trí vào dự toán chi sự

ng nghiệp kinh tế của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện việc quản lý theo cơ chế quản lý kinh phí hành chính sự nghiệp.

Hàng năm, Trung tâm Tin học lập kế hoạch hoạt động về tăng cường công tác thông tin khuyến nông và thị trường và dự toán chi trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt và tổng hợp vào kế hoạch ngân sách của Bộ, gửi Bộ Tài chính để cân đối trong ngân sách Nhà nước theo trình tự lập kế hoạch ngân sách hàng năm.

3.2. Dự án Loại 2, 3, 4:

Tổng số vốn là 760 tỷ đồng, bao gồm:

Loại 2 có 3 tiểu dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật của các Viện nghiên cứu khoa học nông lâm nghiệp vùng, với kinh phí là 90 tỷ đồng;

Loại 3 có 3 tiểu dự án xây dựng và hoàn thiện dự án đầu tư 3 phòng thí nghiệm trọng điểm, với kinh phí là 100 tỷ đồng;

Loại 4 có 13 tiểu dự án đầu tư năng lực công tác nghiên cứu nông nghiệp nhằm đưa ra các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến của các Viện, Trường, Trung Tâm, với kinh phí là 570 tỷ đồng.

Hàng năm, căn cứ danh mục dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ thực hiện dự án, các Viện nghiên cứu và các đơn vị tham gia Chương trình trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập kế hoạch chi vốn xây dựng cơ bản theo danh mục dự án tại Văn bản số 688/TTg-QHQT gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xét duyệt và tổng hợp vào dự toán ngân sách của Bộ, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để được cân đối trong kế hoạch chi xây dựng cơ bản theo chương trình mục tiêu bằng nguồn vốn Chương trình vay ADB đã rút về Ngân sách Nhà nước.

Việc lập kế hoạch, cấp phát đối với nguồn vốn Chương trình vay ADB theo Hiệp định vay ký hiệu 1972-VIE (SF) đã rút về Ngân sách Nhà nước được thực hiện theo đúng cơ chế quản lý vốn đầu tư xây dựng trong nước.

IV. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ TRUNG ƯƠNG

Ban quản lý chương trình đầu tư Trung ương là cơ quan thường trực giúp Ban Chỉ đạo chương trình đầu tư và trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu,

nội dung đã được Chính phủ phê duyệt và Hiệp định đã ký kết, kinh phí hoạt động của Ban được lập, tổng hợp cân đối trong dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

V. KIỂM SOÁT CHI

Hệ thống Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm kiểm soát chi và thực hiện thanh toán, cấp phát theo quy định tại Thông tư số 79/2003/TT-BTC ngày 13/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi Ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, và Thông tư số 44/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 hướng dẫn quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư và xây dựng thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA, QUYẾT TOÁN

6.1. Hàng quý, hàng năm và khi kết thúc các tiểu dự án các cơ quan thực hiện phải báo cáo tình hình thực hiện dự án, giải ngân và sử dụng vốn theo đúng các quy định hiện hành về quản lý chi tiêu vốn xây dựng cơ bản và hành chính sự nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, chỉ đạo các tiểu dự án thực hiện công tác báo cáo đúng tiến độ; tập hợp tổng quyết toán của toàn Danh mục dự án báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6.2. Quyết toán vốn

- *Đối với các khoản chi hành chính sự nghiệp:* Cuối quý, cuối năm, các đơn vị sử dụng kinh phí của dự án lập báo cáo quyết toán chi dự án cùng thời điểm lập báo cáo chi hành chính sự nghiệp của đơn vị, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với đơn vị trực thuộc bộ), gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với đơn vị thuộc tỉnh). Việc thẩm định, xét duyệt quyết toán kinh phí dự án thực hiện theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước.

Kinh phí còn lại được chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán trong phạm vi thời gian đã quy định của tiểu dự án, không kéo dài thời gian thực hiện.

- Đối với các khoản chi xây dựng cơ bản:

Báo cáo quyết toán năm của các dự án thực hiện theo Thông tư số 53/2005/TT-BTC ngày 23/6/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

Quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo Thông tư số 45/2003/TT-BTC ngày 15/5/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư.

6.3. Chế độ kiểm tra:

Các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân các tỉnh theo chức năng nhiệm vụ của mình, tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính, tiến độ thực hiện các tiêu dự án, tình hình quản lý, thanh toán, quyết toán vốn.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo, quản lý sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả trên cơ sở lựa chọn tiêu dự án, xác định quy mô và trang thiết bị phù hợp theo như điểm 2 tại Công văn số 688/TTg-QHQT ngày 03/6/2005 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Thị Băng Tâm